

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2021/DS-PT**
Ngày: 02-3-2021
V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng N

Bà Nguyễn Thị V

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trung Q - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/01/2021; ngày 02/02/2021 và ngày 02/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 465/2020/TLPT-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N (nay là thành phố N) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 514/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn Q, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: khóm S, phường L, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Q là anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện N, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020).

2. Bị đơn: Võ Thị N, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: khóm S, phường L, thị xã N, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Phạm Thị N, sinh năm 1961 (có mặt);

3.3. Trần Thanh C, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khóm S, phường L, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:** Vào ngày 21/11/2018 (âm lịch), ông Q có bán thính làm mắm cho bà Võ Thị N, số lượng là 2.500kg, giá 17.000đồng/kg, với số tiền là 42.500.000 đồng. Ông Q cùng vợ là bà Phạm Thị N có đến đòi tiền bà N nhiều lần, bà N hứa bán mắm sẽ trả tiền cho ông Q nhưng sau khi bán mắm xong bà N vẫn không trả tiền cho ông Q. Do ông Q với bà N có mua bán thính với nhau nhiều lần, nên bà N biết số điện của ông Q và có điện thoại mua thính giùm cho bà N để thính mắm cho bà N. Khi bán thính cho bà N thì con ông Q là anh Trần Văn C có giao thính cho bà N tại kho mắm của bà N ba lần từ ngày 21 đến 24/11/2018 (âm lịch), do bà N không có kho chứa mắm nên đã gửi mắm tại kho bà N. Khi ông Q bán thính cho bà N thì hai bên không có làm hợp đồng mua bán và cũng không có làm giấy tờ gì. Ngoài giấy tay bà N tự ghi vào sổ theo dõi của ông Q (đã cung cấp cho Tòa án) thì ông Q không còn chứng cứ nào khác chứng minh việc bà N có trực tiếp mua thính làm mắm của ông Q. Khi anh C giao thính cho bà N tại kho mắm của bà N cũng không có ký nhận hàng từ bà N. Nhưng việc ông Q bán thính cho bà N là có thật. nên ông Q yêu cầu bà N trả tiền mua thính còn thiếu cho ông Q chứ ông Q không có yêu cầu và không có tranh chấp gì với bà N trong vụ án này. Ngoài ba lần bán thính cho bà N như nêu trên thì bà N có kêu ông Q bán thêm cho bà N một bao thính nữa, sau đó bà N kiểm tra lại mắm của bà do đã thính nhiều nên bà N đã trả lại cho ông Q, vì vậy ông Q không có tính tiền cho bà N bao thính này. Ông Q có bán bảo hiểm nhân thọ nên có đến nhà bà N giới thiệu để bà N mua bảo hiểm, nên có giữ giấy chứng minh nhân dân (bản photo) của bà N và ông Q có nhắc đến số tiền mà bà N đã mua thính thiếu thì bà N có hứa trả cho ông Q.

Nay ông Trần Văn Q yêu cầu bà Võ Thị N trả cho ông Q số tiền mua thính làm mắm còn thiếu là 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

*** Bị đơn bà Võ Thị N trình bày:** Do bà N biết làm mắm xổi chứ không biết làm mắm thính, nên vào ngày 24/11/2018 (âm lịch) bà N có nhờ bà Nguyễn Thị Ánh N mua thính của ông Trần Văn Q để thính mắm giùm cho bà. Mọi việc là do bà N liên hệ bằng điện thoại với ông Q để mua thính của ông Q về kho của bà N để thính mắm của bà, chứ bà không trực tiếp gặp ông Q để trao đổi việc mua bán thính với nhau. Bà N thính xong mắm thành phẩm rồi giao lại cho bà N, sau đó bà N gửi trả tiền thính, tiền công đoàn và tiền muối cho bà N để bà N trả tiền thính cho ông Q. Bà N xác định việc bà N mua thính của ông Q để thính mắm cho bà thì bà có biết nhưng số lượng, giá tiền thính bao nhiêu thì bà không biết, vì bà N mua thính của ông Q không phải chỉ thính mắm cho bà mà còn thính mắm của bà N. Còn riêng việc bà N nhờ bà N mua thính của ông Q thì bà N và bà N đã tính sổ xong, bà N đã thanh toán tiền xong cho bà N sau đó bà N có trả tiền lại cho ông Q hay không thì bà không biết. Khi tính tiền thính với bà N thì bà có ghi giấy về số lượng, số tiền thính, số tiền bà trả cho bà N là 58.000.000đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Bà N có ghi giấy tính tiền cho bà N nhưng do thời gian quá lâu nên đã bị thất lạc giấy. Việc trả số tiền giữa bà N với bà N không ai biết, không có ai chứng kiến. Việc thuê bà N thính cho bà N cũng không có giấy tờ và không có người chứng kiến.

Do từ trước tới giờ không có lần nào bà N gặp ông Q để trao đổi việc mua thính, không có lần nào giữa bà, bà N và ông Q gặp mặt nhau để trao đổi việc mua bán thính, cũng không có lần nào ông Q giao thính cho bà N mà có mặt bà N tại kho mắ của bà N, nên bà không thống nhất trả cho ông Q số tiền 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo yêu cầu của ông Q.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:** Bà là vợ ông Q. Vợ chồng bà có bán thính làm mắ cho bà N với số lượng, giá tiền giống như ông Q trình bày. Bà N gọi điện thoại mua thính giùm cho bà N. Sau đó anh C là con của bà có giao thính cho bà N tại kho mắ của bà N ba lần. Bà đã nhiều lần gặp bà N đòi tiền còn thiếu là 42.500.000 đồng nhưng bà N không trả. Chữ viết trong tờ giấy có tiêu đề “*Chị Nga mắ*” không ghi ngày tháng năm (bút lục 02) ông Q đã cung cấp cho Tòa án là do bà N tự ghi chứ bà N và bà N không ai ký xác nhận nợ, kể cả khi anh C giao mắ cho bà N tại kho làm mắ của bà N thì cũng không có ai ký xác nhận số lượng thính giao là bao nhiêu. Anh C là con trong nhà nên làm chung với gia đình chứ không có liên quan gì về quyền và nghĩa vụ của anh C trong vụ án này. Vợ chồng bà cũng không có yêu cầu, không tranh chấp gì với anh C trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh C trình bày:** Ngày 21/11/2018 (âm lịch), anh C có giao thính làm mắ cho bà Võ Thị N tại kho mắ nhà bà N với số lượng 1.000kg, lúc đó có bà N ngồi trên nền hồ chứa mắ. Đến ngày 22/11/2018 (âm lịch), anh C có giao thính thêm cho bà N 1.000kg và ngày 24/11/2018 (âm lịch) có giao thêm 500kg. Trong các ngày anh C giao thính đều có những người làm công (công đoàn) thính mắ cho bà N như: Ông Đặng Văn Phúc, ông Nu, ông Lùng, ông Lạ. Trong những lần anh C giao thính thì anh chỉ chờ thính để ngay chỗ hồ làm mắ của bà N, rồi nói với mấy người công đoàn là có giao số lượng thính bao nhiêu chứ không gặp trực tiếp bà N hay bà N để giao cho bà N hay bà N, nên không có xác nhận đã nhận số lượng thính là bao nhiêu. Việc anh C giao thính cho bà N là do giao giùm cho cha anh là ông Q chứ anh không có liên quan gì về quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án này. Nếu có ai có yêu cầu hay có tranh chấp gì với anh C thì anh không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N (nay là Tòa án nhân dân thành phố N) đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Q về việc yêu cầu bà Võ Thị N trả cho ông số tiền mua thính làm mắ còn thiếu 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Văn Q chịu 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông Trần Văn Q là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn Q chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (Chi phí định giá tài sản). Nhưng ông Q đã tạm ứng trước và đã chi xong nên ông Q không phải nộp thêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2020 ông Trần Văn Q là nguyên đơn trong vụ án đã kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N (nay là Tòa án nhân dân thành phố N).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Văn Q ủy quyền cho anh Hồ Thanh H trình bày: Ông Q và bà N có bán thính cho bà N để thính mắm của bà N. Khi giao thính là tại kho nhà bà N có những người công đoàn biết. Lời khai của bà N ngày 25/5/2020 thừa nhận có nhờ bà N mua thính của ông Q. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời thừa nhận của bà N là chứng cứ chứng minh việc bà N có mua thính của ông Q và căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà N có nghĩa vụ chứng minh việc bà N thuê bà N thính mắm và việc bà N đã trả tiền thuê thính mắm cho bà N. Vì vậy yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền mua thính làm mắm còn thiếu 42.500.000 đồng.

- Bị đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà N không thừa nhận có mua thính của vợ chồng ông Q và bà N, mà việc mua thính là do bà N mua của họ. Bà N chỉ thuê bà N thính mắm cho bà và bà N đã trả tiền thuê thính mắm cho bà N xong. Vì vậy, bà N không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q buộc bà có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền mua thính làm mắm còn thiếu 42.500.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày: thống nhất trình bày và yêu cầu của ông Trần Văn Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Q được thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (quy định về đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo). Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 285, 286, 290 và Điều 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định các Điều 293, 297, 298, 301, 302 và Điều 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của ông Trần Văn Q; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã N (nay là thành phố N).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã N (nay là Tòa án nhân dân thành phố N) thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Văn Q không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N nên đã kháng cáo. Việc ông Q nộp đơn kháng cáo ngày 30/9/2020 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị Ánh N và anh Trần Thanh C vắng mặt đến lần thứ hai sau khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn Q cho rằng ông Q có bán thính làm mắm cho bà Võ Thị N, số lượng là 2.500kg, giá 17.000đồng/kg với số tiền là 42.500.000đồng; Việc bà N mua thính của ông Q do bà Nguyễn Thị Ánh N gọi điện và nói mua thính giùm cho bà N; Ông Q đã giao thính làm mắm cho bà N 03 lần từ ngày 21/11/2018 đến ngày 24/11/2018 tại kho mắm của bà N, do con ông Q là anh Trần Thanh C trực tiếp giao; Việc mua bán giữa ông Q với bà N hai bên không có làm hợp đồng mua bán và cũng không có làm giấy tờ gì mà ông Q chỉ có ghi vào sổ theo dõi, bà N không có ký tên trong sổ theo dõi của ông Q. Nguyên đơn ông Q khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền mua thính làm mắm còn thiếu là 42.500.000đ; Bị đơn bà N không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Q, do bà N không có mua thính của ông Q để làm mắm.

[3] Tại phiên tòa anh Hồ Thanh H đại diện cho nguyên đơn ông Trần Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Q buộc bà Võ Thị N trả cho ông số tiền mua thính làm mắm là 42.500.000đ, không yêu cầu đổi với bà Nguyễn Thị Ánh N. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có giao dịch mua bán thính làm mắm với bà N, các lần giao hàng (thính làm mắm) của ông Q đều không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà N đã nhận hàng và xác định cụ thể số tiền bà N còn nợ lại ông Q. Việc ông Q cung cấp giấy nợ (bút lục 02) cho rằng bà N nợ số lượng thính mắm đối với ông Q cũng không được bà N thừa nhận hay ký xác nhận nợ, tờ giấy này do chính bà Phạm Thị N (vợ ông Q) ghi lại để theo dõi; Những người làm chứng cũng không xác định rõ việc giao dịch mua bán thính làm mắm giữa ông Q và bà N, đồng thời họ cũng không rõ số tiền bà N có nợ ông Q như thế nào. Mặt khác bà N cũng không thừa nhận có mua thính làm mắm của ông Q và không có nợ tiền mua thính của ông Q mà bà N chỉ thừa nhận có nhờ bà Nguyễn

Thị Ánh N mua thính để thính giùm mắm xối cho bà số lượng 46.923kg, bà N có làm biên nhận cho bà ngày 24/11/2018 (A1), giữa bà và bà N đã quyết toán xong, bà đã thanh toán tiền cho bà N 58.000.000 đồng, còn việc bà N giao dịch mua bán thính với ông Q và sau đó bà N có trả tiền lại cho ông Q hay không thì bà không biết.

Ông Q có cung cấp cho Tòa án bản photo giấy chứng minh nhân dân (CMND) của bà Võ Thị N và cho rằng ông có đến đòi tiền bà N nhiều lần thì bà N hứa là bán mắm sẽ trả tiền cho ông và bà N có đưa giấy CMND bản photo cho ông để làm tin sau này nhưng sau đó bà N không thực hiện đúng lời hứa mà chối bỏ. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông có giữ giấy CMND bản photo của bà N nhưng không đủ cơ sở để chứng minh bà N có nợ tiền mua mắm của ông, đồng thời bà N cũng không thừa nhận có hứa trả tiền cho ông như ông trình bày, nên không có căn cứ để chấp nhận trình bày này của ông Q. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm anh Hồ Thanh H đại diện cho ông Q cho rằng bà N có thừa nhận có mua thính của ông Q thể hiện theo Bản khai ngày 25/5/2020 của bà N và lời khai của bà N tại Tòa án, xét thấy trình bày của anh Hào là không có cơ sở, bởi vì theo nội dung lời khai của bà N đều có nội dung thể hiện việc bà N thuê bà N thính mắm cho bà N và trả tiền cho bà N mua thính, mua muối và trả tiền nhân công (công đoàn) mà không thể hiện việc bà thừa nhận có mua thính của ông Q đối với số lượng thính 2.500kg và còn nợ số tiền là 42.500.000đ.

[4] Trong vụ án này ông Trần Văn Q, bà Phạm Thị N và bà Võ Thị N đều không có yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Ánh N, nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5] Từ cơ sở trên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Trần Văn Q không được chấp nhận, nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do ông Q thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được xem xét miễn tiền án phí cho ông Q theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Q;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 165, Điều 166, điểm d khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, khoản 1 Điều 436 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q về việc yêu cầu bà Võ Thị N trả cho ông số tiền mua thính làm mắm còn thiếu 42.500.000đ (Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Trần Văn Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do ông Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (Chi phí định giá tài sản). Do ông Q đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên ông Q không phải nộp thêm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Ông Trần Văn Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THADS TP N;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Tấn L